ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ BỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN, KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN HUYỆN TRÀ BỒNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng)

STT	SBD	THÔNG TIN THÍ SINH				Đối tượng ưu tiên	Điểm thi môn NVCN	Điểm ưu tiên	Điểm thi chính thức	Đơn vị trúng tuyển
		Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh						
		Họ và tên lót	Tên	Nam	Nữ					
I	**MẦM NON: 22**									
1	TB.010	Đỗ Thị Thu	Hương		10/02/1999		87,6	0,0	87,6	Trường Mầm non Trà Thủy
2	TB.034	Nguyễn Thị Tường	Vy		07/11/1994		87,1	0,0	87,1	Trường Mầm non Trà Thanh
3	TB.006	Phạm Thị	Hải		01/08/1990	Dân tộc thiểu số	78,4	5,0	83,4	Trường Mầm non Trà Phong
4	TB.016	Huỳnh Thị	Mai		23/01/1993		83,2	0,0	83,2	Trường Mầm non Trà Thanh
5	TB.028	Đỗ Thị	Thu		16/02/1997		82,4	0,0	82,4	Trường Mầm non số 1 Sơn Trà
6	TB.027	Bùi Thị Mỹ	Thinh		10/10/1991		81,6	0,0	81,6	Trường Mầm non Trà Bùi
7	TB.007	Hồ Thị	Hiệp		21/07/1997	Dân tộc thiểu số	75,4	5,0	80,4	Trường Mầm non Trà Phong
8	TB.022	Đinh Thị	Sương		05/05/1991	Dân tộc thiểu số	75,3	5,0	80,3	Trường Mầm non số 1 Sơn Trà
9	TB.024	Huỳnh Thị	Thành		15/05/1990		78,4	0,0	78,4	Trường Mầm non Trà Bùi
10	TB.003	Nguyễn Thị Thu	Dung		16/08/1998		77,1	0,0	77,1	Trường Mầm non Trà Thủy

STT	SBD	THÔNG TIN THÍ SINH				Đối tượng ưu tiên	Điểm thi môn NVCN	Điểm ưu tiên	Điểm thi chính thức	Đơn vị trúng tuyển
		Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh						
		Họ và tên lót	Tên	Nam	Nữ					
11	TB.004	Hồ Thị	Hà		25/03/1995	Dân tộc thiểu số	70,3	5,0	75,3	Trường Mầm non Trà Lâm
12	TB.023	Nguyễn Thị Mỹ	Tây		05/02/1994		73,3	0,0	73,3	Trường Mầm non Hoa Sen
13	TB.009	Phạm Thị	Huông		15/09/1989	Dân tộc thiểu số	65,6	5,0	70,6	Trường Mầm non Trà Phong
14	TB.025	Võ Thị	Thảo		15/01/1992		70,5	0,0	70,5	Trường Mầm non số 2 Sơn Trà
15	TB.030	Phạm Thị	Tuyết		14/12/1993		67,8	0,0	67,8	Trường Mầm non số 1 Sơn Trà
16	TB.021	Phạm Thị	Sơ		05/02/2003	Dân tộc thiểu số	60,4	5,0	65,4	Trường Mầm non Trà Tây
17	TB.019	Hồ Thị	Non		20/7/1992	Dân tộc thiểu số	57,3	5,0	62,3	Trường Mầm non Trà Xinh
18	TB.017	Nguyễn Thị Thùy	Ngân		13/10/2003		60,3	0,0	60,3	Trường Mầm non số 2 Sơn Trà
19	TB.020	Hồ Thị	Phượng		22/02/2002	Dân tộc thiểu số	50,4	5,0	55,4	Trường Mầm non Trà Thanh
20	TB.032	Nguyễn Thị Tường	Vi		09/08/1993		55,2	0,0	55,2	Trường Mầm non Trà Xinh
21	TB.031	Đinh Võ Như	Uyên		10/11/2001		82,5	0,0	82,5	Trường Mầm non Trà Tây
22	TB.011	Trần Thị	Hường		30/12/1990		77,0	0,0	77,0	Trường Mầm non Trà Xinh
I	**TIỂU HỌC: 38**									
	Tiểu học cơ bản: 32									
1	TB.051	Hồ Thị	Nga		03/03/1994	Dân tộc thiểu số	86,8	5,0	91,8	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Hiệp

STT	SBD	THÔNG TIN THÍ SINH				Đối tượng ưu tiên	Điểm thi môn NVCN	Điểm ưu tiên	Điểm thi chính thức	Đơn vị trúng tuyển
		Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh						
		Họ và tên lót	Tên	Nam	Nữ					
2	TB.047	Hồ Thị Ly	Ly		16/04/1995	Dân tộc thiểu số	86,5	5,0	91,5	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Bùi
3	TB.038	Hồ Nguyễn An	Duyên		03/09/2002	Dân tộc thiểu số	84,3	5,0	89,3	Trường Tiểu học Trà Sơn
4	TB.039	Huỳnh Thị Ngọc	Hân		30/04/1994	Dân tộc thiểu số	83,5	5,0	88,5	Trường PTDTBT Tiểu học Trà Tây
5	TB.064	Lương Thị Thanh	Vang		10/02/1989		88,3	0,0	88,3	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Bùi
6	TB.065	Hồ Thị	Vĩ		29/12/1997	Dân tộc thiểu số	83,3	5,0	88,3	Trường Tiểu học Trà Phong
7	TB.059	Lương Thị Thu	Thúy		28/06/1996		88,0	0,0	88,0	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Bùi
8	TB.052	Nguyễn Thị	Nhi		15/06/2002		87,3	0,0	87,3	Trường PTDTBT Tiểu học Sơn Trà
9	TB.037	Ngô Thị Thúy	Dung		01/01/1984		85,3	0,0	85,3	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Tây
10	TB.056	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		08/08/1995		85,3	0,0	85,3	Trường PTDTBT Tiểu học Trà Thanh
11	TB.044	Hồ Thị	Kiều		15/06/1996	Dân tộc thiểu số	80,0	5,0	85,0	Trường Tiểu học Trà Phong
12	TB.045	Đinh Văn	Lẻ	05/06/1994		Dân tộc thiểu số	79,9	5,0	84,9	Trường Tiểu học Trà Phong
13	TB.049	Hồ Thị	Miền		24/03/1989	Dân tộc thiểu số	79,8	5,0	84,8	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Tây
14	TB.060	Hồ Thị Mai	Tiên		18/03/2001	Dân tộc thiểu số	79,8	5,0	84,8	Trường Tiểu học Trà Phong

STT	SBD	THÔNG TIN THÍ SINH				Đối tượng ưu tiên	Điểm thi môn NVCN	Điểm ưu tiên	Điểm thi chính thức	Đơn vị trúng tuyển
		Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh						
		Họ và tên lót	Tên	Nam	Nữ					
15	TB.048	Hồ Thị Xíu	Ly		15/9/1994	Dân tộc thiểu số	79,5	5,0	84,5	Trường Tiểu học Trà Phong
16	TB.057	Hồ Thị Thanh	Thảo		14/04/1998	Dân tộc thiểu số	79,3	5,0	84,3	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Trà
17	TB.054	Huỳnh Thị	Phượng		14/08/1989		83,5	0,0	83,5	Trường PTDTBT Tiểu học Trà Thanh
18	TB.062	Nguyễn Thị	Trinh		14/02/1995		83,5	0,0	83,5	Trường Tiểu học Trà Xuân
19	TB.040	Huỳnh Thị Bích	Hiệp		03/12/1995		83,0	0,0	83,0	Trường Tiểu học Trà Xinh
20	TB.055	Nguyễn Thị	Phượng		17/8/1996		81,3	0,0	81,3	Trường Tiểu học Trà Phong
21	TB.043	Hồ Thị Thúy	Kiều		16/04/1993	Dân tộc thiểu số	75,0	5,0	80,0	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Trà
22	TB.036	Phạm Thị	Buông		10/11/1993	Dân tộc thiểu số	74,8	5,0	79,8	Trường PTDTBT Tiểu học Trà Tây
23	TB.063	Trương Thị Ánh	Tuyết		05/05/2002		79,3	0,0	79,3	Trường PTDTBT TH&THCS số 1 Hương Trà
24	TB.053	Hồ Thị	Nia		18/05/1988	Dân tộc thiểu số	72,3	5,0	77,3	Trường PTDTBT Tiểu học Trà Thanh
25	TB.035	Hồ Thị	Aly		08/09/1997	Dân tộc thiểu số	71,4	5,0	76,4	Trường PTDTBT TH&THCS số 1 Hương Trà
26	TB.061	Trần Thị Thu	Trang		09/03/1993		75,5	0,0	75,5	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Tây
27	TB.066	Bùi Thị Tường	Vy		30/03/2002		75,5	0,0	75,5	Trường Tiểu học Trà Bình
28	TB.046	Hồ Thị	Lưới		20/10/1993	Dân tộc thiểu số	55,3	5,0	60,3	Trường PTDTBT TH&THCS số 1 Hương Trà

STT	SBD	THÔNG TIN THÍ SINH				Đối tượng ưu tiên	Điểm thi môn NVCN	Điểm ưu tiên	Điểm thi chính thức	Đơn vị trúng tuyển
		Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh						
		Họ và tên lót	Tên	Nam	Nữ					
29	TB.058	Lê Thị Ngọc	Thoa		02/01/2001		56,5	0,0	56,5	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Thủy
30	TB.050	Nguyễn Thị Ý	Mỹ		28/9/1996		81,0	0,0	81,0	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Trà
31	TB.041	Phạm Thị	Hiếu		23/01/1995		80,8	0,0	80,8	Trường Tiểu học Trà Xinh
32	TB.042	Nguyễn Thị Kim	Huệ		29/10/1995		70,5	0,0	70,5	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Tây
	Anh văn: 2									
1	TB.071	Phạm Thị	Loan		16/06/1992		84,7	0,0	84,7	Trường TH&THCS Trà Tân
2	TB.067	Nguyễn Thị Thục	Anh		20/11/1996		82,5	0,0	82,5	Trường Tiểu học Trà Bình
	Tin học: 2									
1	TB.081	Đinh Thị	Khóa		27/04/1998	Dân tộc thiểu số	69,5	5,0	74,5	Trường PTDTBT Tiểu học Trà Tây
2	TB.082	Trình Công	Kỳ	02/11/1999			72,0	0,0	72,0	Trường PTDTBT TH&THCS số 1 Hương Trà
	Tổng phụ trách Đội: 2									
1	TB.084	Trương Quang	Thông	13/05/1992			88,8	0,0	88,8	Trường PTDTBT Tiểu học Sơn Trà
2	TB.083	Trịnh Văn	Sỹ	10/01/1995			85,0	0,0	85,0	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Thủy
III	**BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ: 17**									
	Toán học: 6									
1	TB.089	Lê Văn	Mười	10/08/1983			83,2	0,0	83,2	Trường PTDTBT THCS Trương Ngọc Khang
2	TB.101	Bùi Thị Hồng	Vy		01/08/2001		77,8	0,0	77,8	Trường TH&THCS Trà Phú

STT	SBD	THÔNG TIN THÍ SINH				Đối tượng ưu tiên	Điểm thi môn NVCN	Điểm ưu tiên	Điểm thi chính thức	Đơn vị trúng tuyển
		Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh						
		Họ và tên lót	Tên	Nam	Nữ					
3	TB.100	Lê Thị Ngọc	Thụy		17/12/2000		76,0	0,0	76,0	Trường PTDTNT THCS Tây Trà
4	TB.098	Lê Thị	Thích		20/11/1991		68,0	0,0	68,0	Trường PTDTBT THCS Trà Thanh
5	TB.093	Trần Như	Nữ		14/07/1994		66,5	0,0	66,5	Trường PTDTBT THCS Trà Sơn
6	TB.091	Trịnh Thị	Nhị		28/12/1992		56,7	0,0	56,7	Trường TH&THCS Trà Tân
	Hóa học: 1									
1	TB.103	Nguyễn Thị	Hương		14/11/1993		79,3	0,0	79,3	Trường PTDTBT THCS Sơn Trà
	Ngữ văn: 1									
1	TB.110	Phan Thị Thu	Thúy		12/07/1998		83,1	0,0	83,1	Trường PTDTBT THCS Trương Ngọc Khang
	Thể dục: 1									
1	TB.114	Nguyễn Quốc	Thành	17/03/1992		Bộ đội xuất ngũ	61,0	2,5	63,5	Trường THCS thị trấn Trà Xuân
	Tổng phụ trách Đội: 3									
1	TB.117	Nguyễn Quốc	Vỹ	01/03/1995			88,0	0,0	88,0	Trường PTDTBT THCS Trà Thanh
2	TB.115	Nguyễn Tiến	Nghĩa	12/01/1996			87,8	0,0	87,8	Trường PTDTBT THCS Trương Ngọc Khang
3	TB.116	Võ Cao	Trí	02/10/1992			84,0	0,0	84,0	Trường PTDTBT TH&THCS số 1 Hương Trà
	Âm nhạc: 2									
1	TB.119	Hồ Thị Ka	Ni		11/07/2002	Dân tộc thiểu số	63,2	5,0	68,2	Trường PTDTNT THCS Tây Trà
2	TB.118	Nguyễn Tấn	Sỹ	29/10/2002			56,1	0,0	56,1	Trường THCS thị trấn Trà Xuân

STT	SBD	THÔNG TIN THÍ SINH				Đối tượng ưu tiên	Điểm thi môn NVCN	Điểm ưu tiên	Điểm thi chính thức	Đơn vị trúng tuyển
		Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh						
		Họ và tên lót	Tên	Nam	Nữ					
	Tin học: 1									
1	TB.120	Vy	Bình	14/03/1984			58,0	0,0	58,0	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Tây
	Mĩ thuật: 1									
1	TB.121	Lê Quang	Hải	16/05/1983			78,5	0,0	78,5	Trường PTDTBT THCS Trà Thanh
	Anh văn: 1									
1	TB.122	Mai Thị Khánh	Hà		11/02/1996		71,7	0,0	71,7	Trường PTDTBT THCS Trà Thanh

Danh sách có 77 thí sinh./.